

Số: *986* /SGDDĐT-TCCB
V/v hướng dẫn thực hiện tinh giản
biên chế theo Nghị định 108 năm 2021

Quảng Ngãi, ngày *11* tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (*Nghị định 108*) và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (*Nghị định 113*);

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, Công văn số 872/UBND-NC ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 và Nghị định 113;

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Thủ trưởng đơn vị phối hợp với cấp ủy, tổ chức công đoàn tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định 108 và Nghị định số 113 đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động (*theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP*) của đơn vị.

2. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế năm 2021 của đơn vị căn cứ vào một số nội dung sau:

- Kết quả duyệt tuyển sinh đầu cấp năm học 2020-2021 và dự kiến kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022 để xác định số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGD ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ đối với ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Lựa chọn những cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất giữ lại làm việc ổn định, lâu dài;

- Xác định và lập danh sách công chức, viên chức, người lao động trong diện tinh giản biên chế năm 2021.

3. Hồ sơ thực hiện tinh giản biên chế lập thành 03 bộ, gồm có:

- Văn bản đề nghị của đơn vị;

- Kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm 2021 của đơn vị;

- Đề án vị trí việc làm chế được phê duyệt và Quyết định giao chỉ tiêu biên của Sở GDĐT năm 2020 (*có xác nhận của thủ trưởng đơn vị*);

- Đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi;
- Trích Biên bản họp xét duyệt (*thành phần gồm tập thể lãnh đạo, đại diện cấp ủy và ban chấp hành công đoàn cùng cấp*);
- Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN do cơ quan BHXH cấp;
- Quyết định tuyển dụng ban đầu; các quyết định lương, các quyết định bổ nhiệm (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó...), các quyết định phụ cấp thâm niên nhà giáo, các quyết định khác có liên quan đến việc tính lương bình quân 5 năm cuối (*có xác nhận của thủ trưởng đơn vị*);
- Các biểu mẫu đính kèm công văn này;
- Các văn bản liên quan do cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định (nếu có).

Hồ sơ nộp về Sở GDĐT theo lịch thẩm định (*sẽ thông báo sau*) và mail biểu mẫu qua địa chỉ email: tccb@quangngai.edu.vn trước ngày 08/9/2020.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Phú

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: 988 /SGDDĐT-TCCB ngày 11 tháng 8 năm 2020)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngày tháng năm	Trình độ CM được đào tạo	Chức danh chuyên môn đảm nhiệm	Ngày tháng năm tham gia đóng BHXH	Số tháng, năm đóng BHXH	Tuổi đời khi tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Lý do tính giản
1	Nguyễn Thị A	Tương THPT....	14/5/1967	DHSP môn....	Giáo viên THPT hạng III, Tổ trưởng chuyên môn	01/9/1991	28 năm	52 tuổi 11 tháng	01/4/2020	11

Danh sách gồm có người.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: 988 /SGDDĐT-TCCB ngày 14 tháng 8 năm 2020)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tỉnh đảo tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chỉnh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương,ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương tháng trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đồng bảo hiểm xã hội	Số năm đóng BHXH H	Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tình biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tình giá	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Chuyên lam việc ở các cơ sở không mang sự dụng kinh phí NSNN	Thời việc khi đi học nghề											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
				* Trường THPT																							
1	Nguyễn Thị A	14/5/1967	DHSP	Giáo viên THPT hạng III	4,98	02/2017								4,65	2/2014	7.420	6.297	28n	01/4/2020	52n 11th	100.752					100.752	Có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ, không thể h trị làm việc khác phù hợp
				Cộng																							

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 108/2014/NĐ-CP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: 956 /SGDDT-TCCB ngày 11 tháng 8 năm 2020)

Mẫu 1a

T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch bậc hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề(nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		HS chính lịch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm làm công việc nặng nhọc	Tuổi khi giải quyết	Thời điểm tính gián biến chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biến chế (1000đ)				Lý do
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng lương	Hệ số lương	Thời điểm hưởng lương	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng						Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	()
	THPT																									
I	Nguyễn Thị A	14/5/1967	DHS P	Giáo viên THPT hạng III	4,98	02/2017									4,65	2/14	6,297	28n	52t 11t	1/4/2020	100.752	44.079	31.485	25.188	Có 0 hoàn nhiệm 01 năm không thành vụ, làm v	

BẢNG TÍNH LƯƠNG BÌNH QUÂN 5 NĂM CUỐI

(Đối tượng tinh giản biên chế 6 tháng năm 2021 theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP)

Họ và tên: Nguyễn Thị A

Ngày tháng năm sinh:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Thời điểm tinh giản biên ch

Diễn biến lương, các loại phụ cấp của 5 năm cuối:

TT	Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Mã ngạch	Hệ số lương	PC chức vụ	% TN VK	Hệ số TNV K	% TN nghề	Hệ số nghề	Lương cơ sở	Số tháng hưởng	Tổng cộng
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
	Cộng										

1 **Mức lương bình quân tháng:** (bằng cột tổng cộng/60 tháng) -

2 Số năm tháng đóng BHXH: Từ đến hết ngày là: năm ... tháng

3 Số tuổi, tháng nghỉ trước: Từ ngày ..tháng.. năm đến ngày ..tháng.. năm là (.. Tuổi tháng..-.. Tuổi ..tháng): ..năm ..tháng

TT	Diễn giải	Số tháng hưởng	LBQ	Số năm	Thành tiền
1	Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định	tháng	-	năm tháng	-
2	Trợ cấp có đủ 20 năm đóng BHXH	tháng	-		-
3	Trợ cấp có trên 20 năm đóng BHXH	tháng	-	năm tháng	-
	Tổng cộng số tiền được nhận				-

Người lập

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 20
Thủ trưởng đơn vị* Lưu ý: - Sử dụng công thức để tính số tháng hưởng trợ cấp;
- Tuổi nghỉ hưu thực hiện theo Luật lao động năm 2019.

